

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NĂNG SỐNG T-EDU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NĂNG SỐNG T-EDU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T-EDU LIFE SKILLS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TEDU.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2500586509

3. Ngày thành lập: 13/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu đô thị mới chùa Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Điện thoại: 0967 026 786

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
2.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
3.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
4.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, công trình thủy lợi - Xây dựng hạ tầng đô thị, công trình bưu chính viễn thông, di tích văn hóa - Xây dựng công trình đường dây tải điện và trạm biến áp điện 35KV	4290
5.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
6.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách đường bộ bằng ô tô	4932

7.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư) - Giáo dục dự bị - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại - Dạy đọc nhanh - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe - Đào tạo tự vệ - Đào tạo về sự sống - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng - Dạy máy tính	8559(Chính)
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: - Sản xuất bột mỳ, bột gạo, các sản phẩm mỳ sợi, mỳ ống	1062
10.	Bán buôn tổng hợp	4690
11.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
12.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
13.	Bán mô tô, xe máy	4541
14.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
15.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
16.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
17.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
18.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
19.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
20.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
23.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
24.	Đại lý du lịch	7911
25.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
26.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
27.	Dịch vụ đóng gói	8292
28.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299

30.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
31.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
32.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
33.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
34.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
35.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: - Các trại huấn luyện thể thao ban ngày và ban đêm - Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v.) - Dạy thể thao, cắm trại - Hướng dẫn cổ vũ - Dạy thể dục - Dạy cưỡi ngựa - Dạy bơi - Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp - Dạy võ thuật - Dạy chơi bài - Dạy yoga	8551
36.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
37.	Xây dựng công trình công ích	4220
38.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, khách sạn	5510
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng, máy văn phòng, điện máy	4659
41.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
42.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
44.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
45.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
46.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
47.	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông, kho bãi	5224
48.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: - Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác - Dạy hội hoạ; Dạy nhảy; Dạy kịch; Dạy Mỹ thuật; Dạy nghệ thuật biểu diễn - Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại) - Luyện viết chữ đẹp	8552
49.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

50.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
51.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
52.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
53.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
54.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
55.	Khai thác gỗ Theo quy định hiện hành của Nhà nước	0221
56.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ Theo quy định hiện hành của Nhà nước	0222
57.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
58.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống	5610
59.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
60.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
61.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
62.	Điều hành tua du lịch	7912
63.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
64.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
65.	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: - Sản xuất các loại bánh, mứt, kẹo	1071
66.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
67.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
68.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
69.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
70.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
71.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
72.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Mua bán ô tô và xe có động cơ khác	4511
73.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
74.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
75.	Khai thác quặng sắt	0710
76.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
77.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
78.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
79.	Khai thác dầu thô	0610
80.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621

81.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
82.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
83.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
84.	Thu nhập sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
85.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
86.	Trồng cây hàng năm khác	0119
87.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
88.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
89.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
90.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
91.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
92.	Giáo dục tiểu học	8520
93.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
94.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
95.	Khai thác muối	0893
96.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
97.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
98.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa công trình - Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, cầu và đường bộ, dân dụng và công nghiệp - Giám sát, khảo sát địa chất công trình - Giám sát, khảo sát địa hình công trình - Giám sát công tác khảo sát địa chất thủy văn - Giám sát, lắp đặt thiết bị công trình và thiết bị công nghệ cấp thoát nước - Môi trường nước công trình xây dựng - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình điện năng	7110
99.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
100.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
101.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: - Xây dựng công trình giao thông	4210
102.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Theo quy định hiện hành của Nhà nước	0810
103.	Sản xuất đường	1072
104.	Khai thác và thu gom than non	0520

105.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
106.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Kinh doanh trang thiết bị thể dục thể thao	4669
107.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
108.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
109.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục - Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục - Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục - Dịch vụ kiểm tra giáo dục - Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên	8560
110.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
111.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
112.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng	4663
113.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
114.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
115.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
116.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
117.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
118.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm	4632
119.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
120.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
121.	Vận tải đường ống	4940
122.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
124.	Cơ sở lưu trú khác	5590
125.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: - Dịch vụ phục vụ đồ uống: rượu, bia, đồ uống khác	5630
126.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
127.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp, cầu, đường bộ, thủy lợi - Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình	7410
128.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
129.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

130.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
131.	Hoạt động thể thao khác Chi tiết: - Trồng lúa, ngô, khoai, sắn	9319
132.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
133.	Trồng cây ăn quả	0121
134.	Trồng cây chè	0127
135.	Trồng cây lâu năm khác	0129
136.	Khai thác thủy sản biển Chi tiết: - Khai thác và nuôi trồng thủy hải sản nội địa và trên biển	0311
137.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
138.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
139.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
140.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
141.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
142.	Xây dựng nhà các loại	4100
143.	Giáo dục mầm non	8510
144.	Cho thuê xe có động cơ	7710
145.	Phá dỡ	4311
146.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
147.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
148.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô	4933
149.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
150.	In ấn	1811
151.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
152.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất gạch không nung - Sản xuất gạch Tarazo, gạch lát vỉa hè các loại, gạch lát sân các loại - Sản xuất ghế đá, bàn đá, ống cống thoát nước các loại	2393
153.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
154.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
155.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

156.	- Tư vấn quản lý dự án công trình xây dựng, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi - Lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình mà Công ty có ngành nghề thiết kế - Thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán các công trình mà Công ty có ngành nghề thiết kế - Tư vấn lựa chọn nhà thầu mua sắm hàng hóa, thiết bị, nội thất - Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn - Tư vấn thẩm tra lựa chọn nhà thầu - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước (- Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
------	---	--

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	HOÀNG NGUYỆT ANH	Khu đô thị mới chùa Hà Tiên, Phường Liên Bảo, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	1,000	135615792	
			Tổng số	1.000	10.000.000	1,000		
2	ĐỖ PHƯƠNG THẢO	Tổ 02, Phường Xuân Hoà, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	98.000	980.000.000	98,000	131380906	
			Tổng số	98.000	980.000.000	98,000		
3	NGUYỄN THỊ LIÊN	Thôn 3 xóm Chùa, Xã Trung Kiên, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	1,000	135544778	
			Tổng số	1.000	10.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ PHƯƠNG THẢO**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *30/06/1986*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *131380906*

Ngày cấp: *11/05/2009*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Phú Thọ*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 02, Phường Xuân Hoà, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Tổ 02, Phường Xuân Hoà, Thị xã Phúc Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Vĩnh Phúc